

Post: Contact:
Air Navigation Department
119 Nguyen Son Str.,
Bo De Ward,
Ha Noi, Viet Nam
Tel: +84 24 38274191
Fax: +84 24 38274194
E-mail: and@caa.gov.vn
Web: http://caa.gov.vn

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIET NAM



AIP SUP
48/26
Có hiệu lực từ
Effective from
01 OCT 2026
Được xuất bản vào
Published on
04 SEP 2026

THIẾT LẬP CÁC SƠ ĐỒ PHƯƠNG THỨC BAY
TRUYỀN THÔNG CHO ĐƯỜNG CẮT HẠ CÁNH 10R,
28L TẠI SÂN BAY PHÚ QUỐC (VVPQ)

1 GIỚI THIỆU

Tập bổ sung AIP này nhằm thông báo về việc thiết lập các sơ đồ phương thức bay truyền thống và tiêu chuẩn khai thác tối thiểu cho đường CHC 10R, 28L tại sân bay Phú Quốc (VVPQ).

Thời gian áp dụng: Từ 0000 ngày 1/10/2026.

2 CHI TIẾT

2.1 Thiết lập các sơ đồ phương thức bay sau:

- a) Sơ đồ phương thức đến tiêu chuẩn bằng thiết bị (STAR) đường CHC 10R/28L: OSOTA 1A, NUMDI 1A, TUNPO 1A, ADBOP 1A
Chi tiết xem tại trang 2.
- b) Sơ đồ phương thức đến tiêu chuẩn bằng thiết bị (STAR) đường CHC 28L: TUNPO 1B, ADBOP 1B
Chi tiết xem tại trang 3.
- c) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: VOR Đường CHC 10R
Chi tiết xem tại trang 4.
- d) Sơ đồ phương thức tiếp cận bằng thiết bị – ICAO: VOR Đường CHC 28L
Chi tiết xem tại trang 5.

2.2 Tiêu chuẩn khai thác tối thiểu cho phương thức tiếp cận VOR đường CHC 10R, 28L

Chi tiết xem tại trang 6.

3 HIỆU LỰC

Tập bổ sung AIP này sẽ có hiệu lực từ 0000 ngày 01/10/2026.

4 HỦY BỎ

Tập bổ sung AIP này sẽ còn hiệu lực cho đến khi nội dung được đưa vào AIP Việt Nam.

- HẾT -

ESTABLISHMENT OF CONVENTIONAL FLIGHT
PROCEDURE CHARTS FOR RUNWAY 10R, 28L AT
PHU QUOC AERODROME (VVPQ)

1 INTRODUCTION

This AIP Supplement issues notification of the establishment of conventional flight procedure charts and AD Operating Minima for RWY 10R, 28L at Phu Quoc aerodrome (VVPQ).

Applicable time: From 0000 on 1 OCT 2026.

2 DETAILS

2.1 Establishment of flight procedure charts as follows:

- a) Standard Arrival Chart – Instrument (STAR) – ICAO – RWY 10R/28L: OSOTA 1A, NUMDI 1A, TUNPO 1A, ADBOP 1A
See page 2 for details.
- b) Standard Arrival Chart – Instrument (STAR) – ICAO – RWY 28L: TUNPO 1B, ADBOP 1B
See page 3 for details.
- c) Instrument Approach Chart – ICAO: VOR RWY 10R
See page 4 for details.
- d) Instrument Approach Chart – ICAO: VOR RWY 28L
See page 5 for details.

2.2 AD Operating minima for VOR approach procedures RWY 10R, 28L

See page 6 for details.

3 EFFECT

This AIP Supplement shall become effective from 0000 on 1 OCT 2026.

4 CANCELLATION

This AIP Supplement shall remain in force until its content has been incorporated into the Viet Nam AIP.

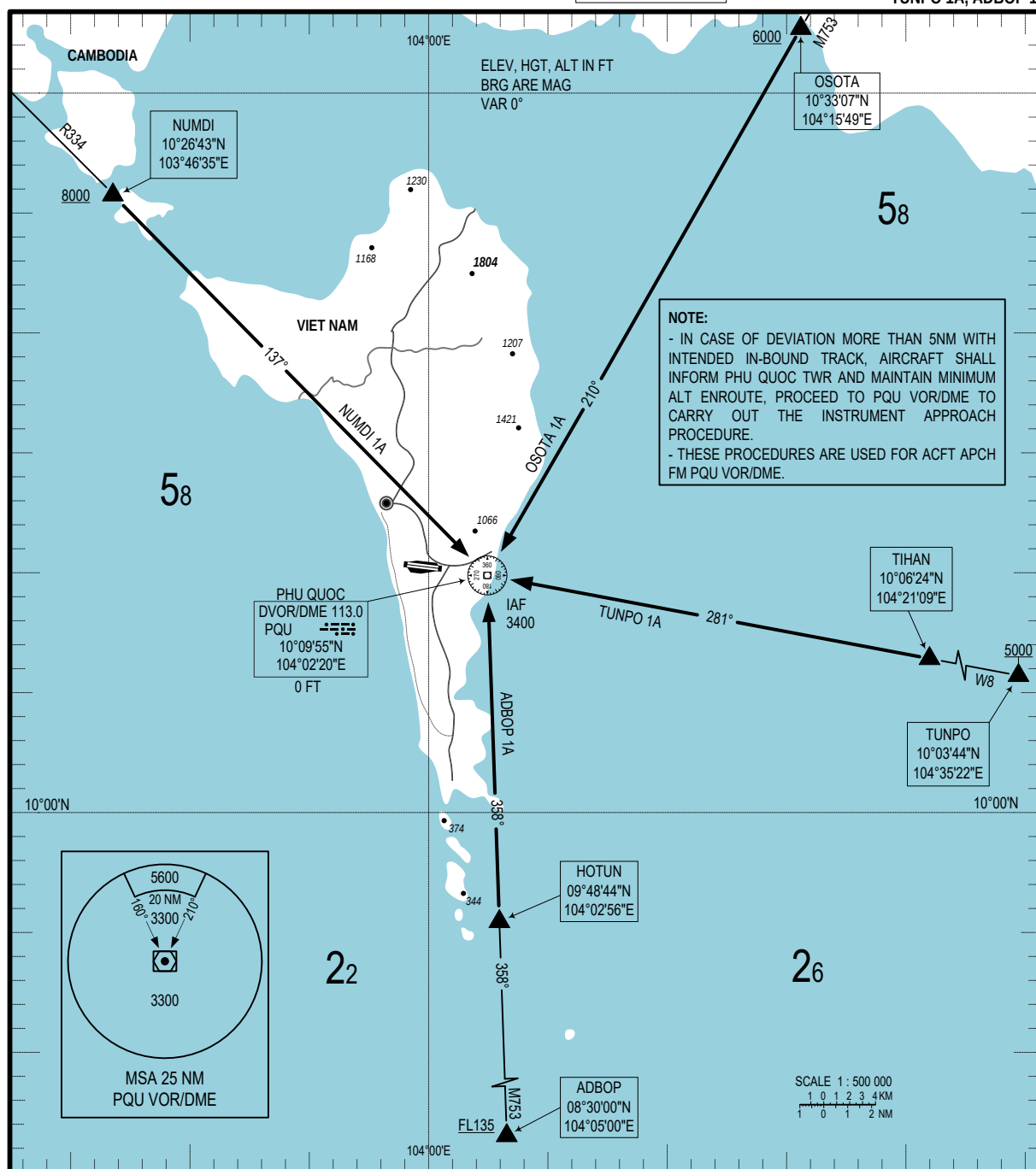
- END -

STANDARD ARRIVAL CHART
INSTRUMENT (STAR) - ICAO

TRANSITIONAL ALTITUDE
9000

APP: 120.375 PRI
119.575 SRY
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
RWY 10R/28L
OSOTA 1A, NUMDI 1A,
TUNPO 1A, ADBOP 1A



RWY 10R/28L

- 1. OSOTA ONE ALPHA ARRIVAL (OSOTA 1A):** FM OSOTA AT 6000 FT OR ABOVE, FLY ON TRACK 210° (R-030 PQU) TO PQU VOR/DME, DESCEND TO 3400 FT AT PQU VOR/DME.
- 2. TUNPO ONE ALPHA ARRIVAL (TUNPO 1A):** FM TUNPO AT 5000 FT OR ABOVE, FLY ON TRACK 281° (R-101 PQU) TO TIHAN THEN TO PQU VOR/DME, DESCEND TO 3400 FT AT PQU VOR/DME.
- 3. ADBOP ONE ALPHA ARRIVAL (ADBOP 1A):** FM ADBOP AT FL135 OR ABOVE, FLY ON TRACK 358° (R-178 PQU) TO HOTUN THEN TO PQU VOR/DME, DESCEND TO 3400 FT AT PQU VOR/DME.
- 4. NUMDI ONE ALPHA ARRIVAL (NUMDI 1A):** FM NUMDI AT 8000 FT OR ABOVE, FLY ON TRACK 137° (R-317 PQU) TO PQU VOR/DME, DESCEND TO 3400 FT AT PQU VOR/DME.

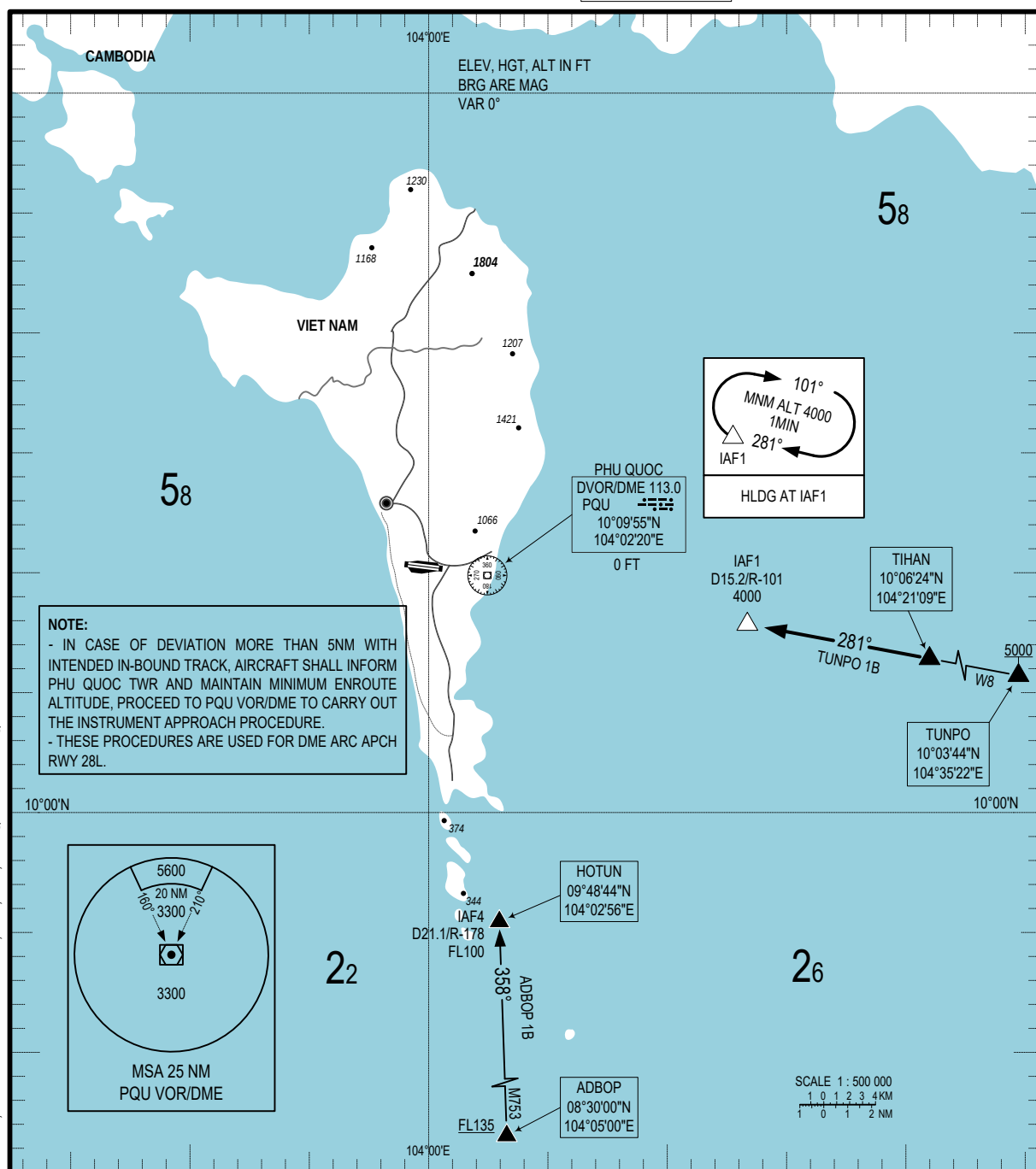
CHANGES: RWY 10R/28L; CONVERSION OF UNITS FM METRES TO FEET; PROCEDURE DESCRIPTION; AMA; MSA; PHU QUOC APP FREQUENCY.

STANDARD ARRIVAL CHART
INSTRUMENT (STAR) - ICAO

TRANSITIONAL ALTITUDE
9000

APP: 120.375 PRI
119.575 SRY
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
RWY 28L
TUNPO 1B, ADBOP 1B



RWY 28L

- 1. TUNPO ONE BRAVO ARRIVAL (TUNPO 1B):** FM TUNPO AT 5000 FT OR ABOVE, FLY ON TRACK 281° (R-101 PQU) TO TIHAN THEN TO IAF1, DESCEND TO 4000 FT AT IAF1.
- 2. ADBOP ONE BRAVO ARRIVAL (ADBOP 1B):** FM ADBOP AT FL135 OR ABOVE, FLY ON TRACK 358° (R-178 PQU) TO HOTUN (IAF4) DESCEND TO FL100 AT IAF4.

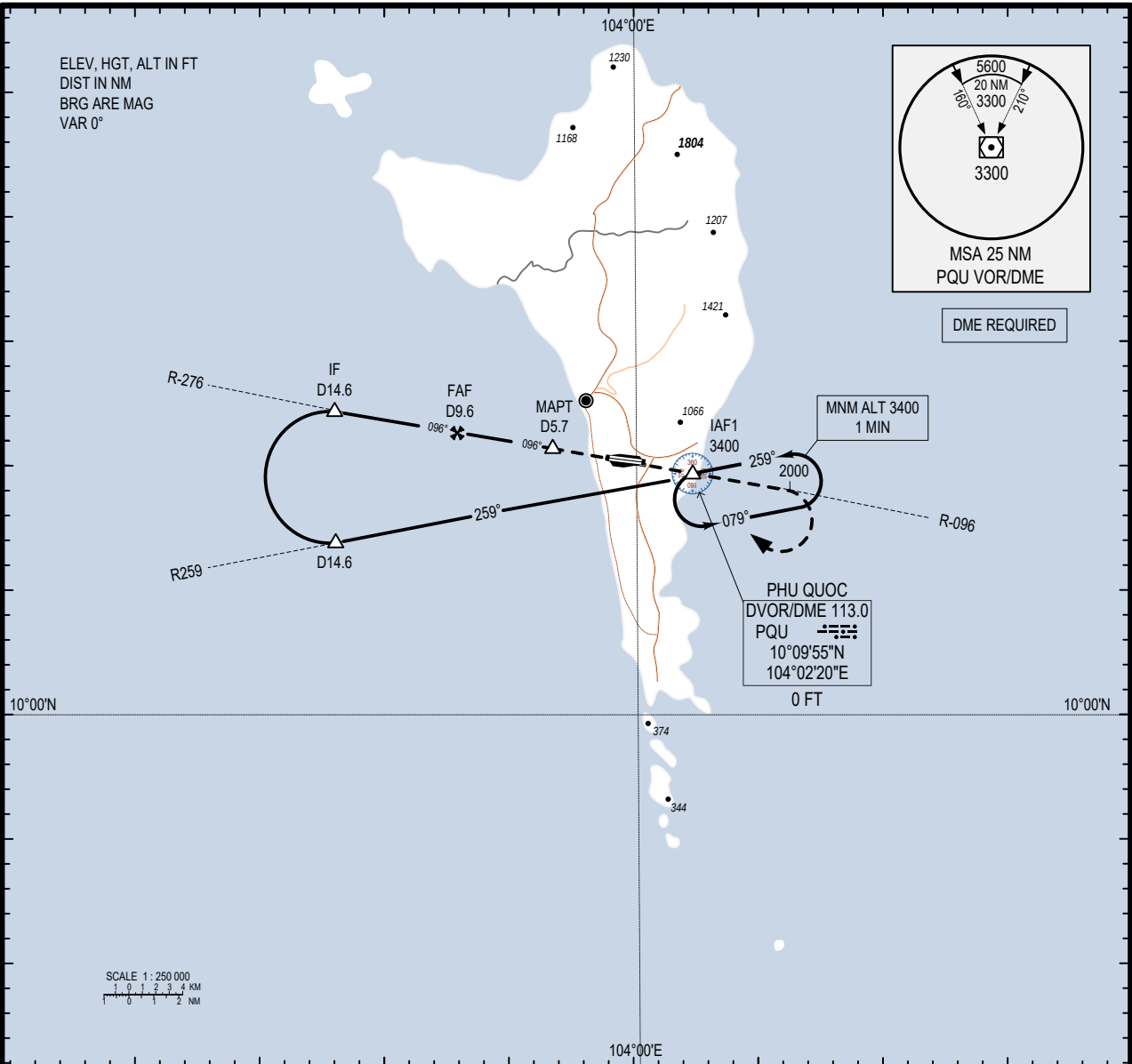
CHANGES: RWY 10R28L; CONVERSION OF UNITS FM METRES TO FEET; PROCEDURE DESCRIPTION: AMA; MSA; PHU QUOC APP FREQUENCY.

INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO

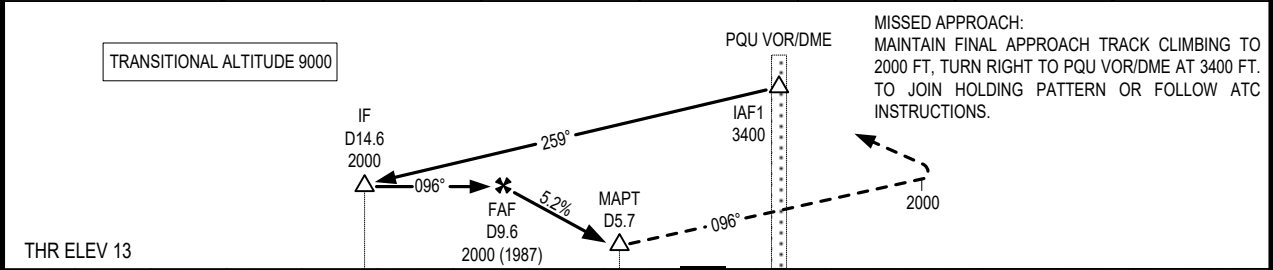
AERODROME ELEV 27 FT
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 10R - ELEV 13 FT

APP: 120.375 PRI
119.575 SRY
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
VOR RWY 10R



DME DIST	PQU	9.6	9.0	8.0	7.0	6.0	5.7
ALT		2000	1800	1480	1160	840	750



THR ELEV 13

NM TO/ FM THR RWY 10R

OCA/H	A	B	C	D
STRAIGHT-IN APPROACH	750 (737)			
CIRCLING	NOT APPLICABLE			

GS	KT	70	90	100	120	140	160
FAF-MAPT 3.9 NM	MIN:SEC	3:21	2:36	2:20	1:57	1:40	1:28
RATE OF DESCENT 5.2% (3.0)	FT/MIN	370	480	530	640	740	850

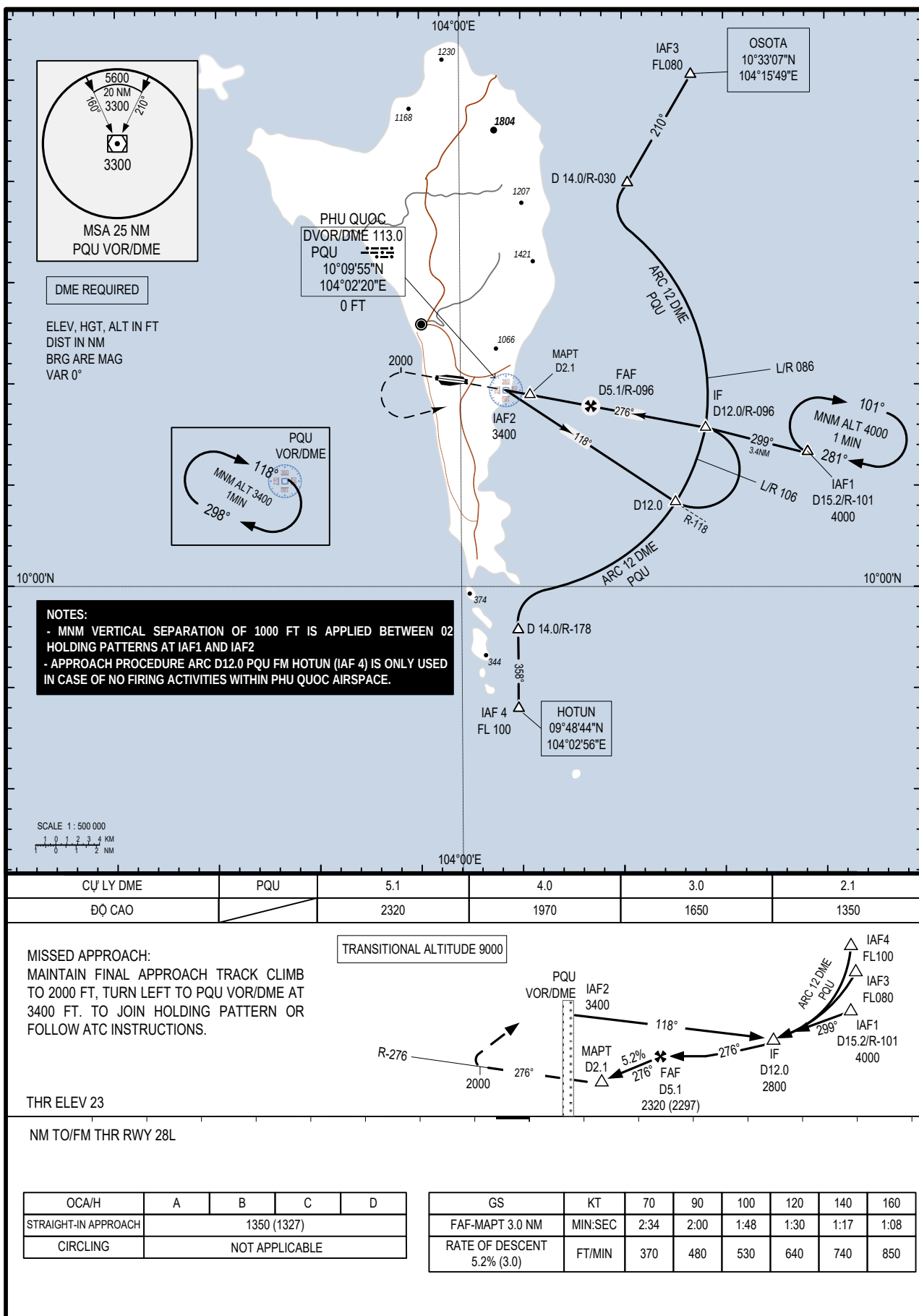
CHANGES: RWY 10R: CONVERSION OF UNITS FM METRES TO FEET; MSA; PHU QUOC APP FREQUENCY.

**INSTRUMENT
APPROACH
CHART - ICAO**

**AERODROME ELEV 27 FT
HEIGHTS RELATED TO
THR RWY 28L - ELEV 23 FT**

APP: 120.375 PRI
119.575 SRY
TWR: 118.6 PRI
118.725 SRY

**AN GIANG/PHU QUOC INTL (VVPQ)
VOR RWY 28L**



CHANGES: RWY 28L; CONVERSION OF UNITS FM METRES TO FEET; MSA; PHU QUOC APP FREQUENCY.

LANDING MINIMA

VOR/DME approach procedures

Procedures	ACFT CAT	MDA (FT)	With APCH LGT serviceable		With APCH LGT unserviceable	
			RVR (M)	VIS (M)	RVR (M)	VIS (M)
VOR RWY 10R	A, B, C, D	750	-	2 400	-	2 400
VOR RWY 28L	A, B, C, D	1 350	-	2 400	-	2 400